

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM CỦA HUYỆT THẬN DU TRÊN BỆNH NHÂN ĐAU THẮT LƯNG THỂ THẬN HƯ

PHẠM HỒNG VÂN, NGHIÊM HỮU THÀNH
Bệnh viện Chăm cứu Trung ương
BÙI MỸ HẠNH – Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu đặc điểm của huyết Thận du (UB23) trên 90 bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư, so sánh với 90 người khỏe mạnh cùng giới, cùng lứa tuổi cho kết quả:

- Huyết Thận du ở bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư có nhiệt độ là $31,53^{\circ}\text{C} \pm 0,75$, thấp hơn so với người bình thường là $32,61^{\circ}\text{C} \pm 0,61$ ($p < 0,05$); có cường độ dòng điện là $83,36 \mu\text{A} \pm 10,37$, thấp hơn với người bình thường là $115,71 \mu\text{A} \pm 6,83$ ($p < 0,01$); có điện trở da là $145,39 \text{K}\Omega \pm 18,89$, cao hơn so với người bình thường là $104,75 \text{K}\Omega \pm 7,61$ ($p < 0,01$).

- Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhiệt độ da, cường độ dòng điện, điện trở giữa hai bên cơ thể, giữa hai giới nam và nữ trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư và người khỏe mạnh ($p > 0,05$).

Từ khóa: Huyết, Thận du, UB23, Đau thắt lưng, Chăm cứu.

SUMMARY

SOME BIOLOGICAL CHARACTERISTICS OF SHEN SHU POINT (UB23) ON LOW BACK PAIN PATIENTS WITH KIDNEY FAILURE TYPE

Study the biological characteristics of Shen Shu (UB23) on 90 patients with low back pain to kidney failure, compared with 90 healthy people of the same sex, same age for the results.

- Shen Shu point in patients with low back pain has temperature $31,53^{\circ}\text{C} \pm 0,75$, lower than the normal $32,61^{\circ}\text{C} \pm 0,61$ ($p < 0,05$); there is amperage $83,36 \mu\text{A} \pm 10,37$, less than the average person is $115,71 \mu\text{A} \pm 6,83$ ($p < 0,01$), the skin impedance is $145,39 \text{K}\Omega \pm 18,89$, higher than the normal $104,75 \text{K}\Omega \pm 7,61$ ($p < 0,01$).

- There is no significant difference statistically between skin temperature, amperage, resistance between the two sides of the body, between the two genders in patients with low back pain and healthy individuals ($p > 0,05$).

Keywords: Acu-point, UB23, low back pain, acupuncture.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăm cứu là một trong những phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc của Y học cổ truyền (YHCT). Cơ sở chữa bệnh là huyết và kinh lạc. Theo YHCT, huyết là nơi thần khí hoạt động vào ra, là nơi phản ánh tình trạng bệnh tật của cơ thể. Huyết bồi dưỡng là nơi khí tạng phủ luân chuyển ở vùng lưng, vì vậy gọi là du huyết. Tuy huyết bồi dưỡng bố cách đều trên cơ thể ở lưng là 1,5 thốn trên kinh Túc Thái dương Bàng quang, nhưng vì nó tương thông với các tạng

phù nên chữa được bệnh tạng phủ. Khí tạng phủ có bệnh, thông du huyết tương ứng trên lưng sẽ xuất hiện cảm giác ấn đau hoặc tê tức, vì vậy, chữa bệnh của bản tạng tại huyết du ở lưng có hiệu quả rất rõ rệt [4]. Huyết Thận du là huyết Du của tạng Thận nằm trên kinh Túc Thái Dương Bàng quang, ký hiệu quốc tế là UB23. Huyết có tác dụng ích thủy, tráng hỏa, điều hòa thần khí, kiện can cốt, chữa đau lưng, minh mục, thông nhĩ...

Để góp phần làm sáng tỏ đặc điểm của huyết Thận du, những biến đổi của nó khi ở cơ thể bị bệnh, chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu xác định nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da và điện trở da ở huyết Thận du ở bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư và so sánh các chỉ số này với người bình thường.

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

1. Đối tượng nghiên cứu: Gồm những người khỏe mạnh và bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư theo YHCT, trong đó:

Nhóm 1: 90 bệnh nhân đau thắt lưng được chẩn đoán là đau lưng thể thận hư theo YHCT, tuổi từ 30 trở lên.

Nhóm 2: 90 người trưởng thành khoẻ mạnh, tuổi tương đồng từ 30 trở lên.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Các chỉ số nghiên cứu

- Nhiệt độ da tại huyết Thận du.
- Cường độ dòng điện tại huyết Thận du;
- Điện trở da tại huyết Thận du.

2.2. Phương tiện và kỹ thuật nghiên cứu

- Máy đo cường độ dòng điện Neurometer RB-Type 65, máy đo điện trở Electrodermometer PD-1, nhiệt kế Thermo- Finer type N-1 của Nhật Bản;

- Phòng đo: Các đối tượng nghiên cứu được đo trong phòng yên tĩnh, nhiệt độ 25°C - 26°C

- Kỹ thuật đo: Các đối tượng nghiên cứu được nghỉ tại phòng 15 phút trước khi đo.

Huyết được xác định theo phương pháp lấy thốn đồng thân của YHCT sau đó được xác định lại bằng máy đo huyết.

Cách đo: Điện cực trung tính được đặt cố định trong lòng bàn tay của đối tượng nghiên cứu. Điện cực đo được đặt vuông góc với mặt da vùng huyết Thận du. Đọc kết quả khi kim trên máy đứng yên.

3. Xử lý số liệu: Kết quả nghiên cứu được xử lý bằng chương trình SPSS 16.0.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm của huyết Thận du trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư

Bảng 1. Nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da và điện trở da của huyết Thận du theo lứa tuổi

Chỉ tiêu NC		Nhiệt độ da (0°)	Cường độ dòng điện (µA)	Điện trở da (KΩ)	P
Lứa tuổi	Nhóm NC				
30 - 39 (a)	BN đầu lưng n=11(1)	31,71 ± 0,65	81,14 ± 11,95	150,00 ± 23,70	p _{a-b} >0,05
	Người BT n=23 (2)	32,64 ± 0,53	115,33 ± 6,94	102,07 ± 6,29	
40 - 49 (b)	BN đầu lưng n=24(1)	31,34 ± 0,76	83,75 ± 9,02	144,38 ± 17,25	p _{a-c} >0,05
	Người BT n=25 (2)	32,58 ± 0,52	115,80 ± 7,78	106,50 ± 7,51	
50 - 59 (c)	BN đầu lưng n=38 (1)	31,44 ± 0,80	83,03 ± 10,30	145,92 ± 18,12	p _{a-d} >0,05
	Người BT n=27 (2)	32,60 ± 0,76	115,44 ± 6,21	104,13 ± 7,26	
≥ 60 (d)	BN đầu lưng n=(18)	31,82 ± 0,70	81,72 ± 9,98	148,06 ± 17,70	p _{a-c} >0,05
	Người BT n=15 (2)	32,81 ± 0,59	116,17 ± 6,25	107,67 ± 8,88	
Chung (n=90)	BN đầu lưng (1)	31,53 ± 0,75	83,36 ± 10,37	145,39 ± 18,89	p _{a-d} >0,05
	Người BT (2)	32,61 ± 0,61	115,71 ± 6,83	104,75 ± 7,61	
P		p ₁₋₂ <0,05	p ₁₋₂ <0,001		

Qua bảng 1 cho thấy huyết Thận du trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư có nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da thấp hơn hẳn so với người bình thường; có điện trở qua da cao hơn so với người bình thường với p<0,05 và p<0,001. Không có sự khác biệt về các chỉ số này giữa các nhóm tuổi (p>0,05).

Bảng 2. Nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da và điện trở da của huyết Thận du ở trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư và người bình thường theo các bên cơ thể

Nhóm NC		BN đầu lưng (a)	Người bình thường (b)	P
Chỉ tiêu NC				
Nhiệt độ da (0°)	Bên phải (1)	31,54 ± 0,76	32,66 ± 0,67	p ₁₋₂ >0,05
	Bên trái (2)	31,48 ± 0,80	32,65 ± 0,67	
	Chung	31,53 ± 0,75	32,65 ± 0,66	
Cường độ dòng điện (µA)	Bên phải (1)	82,24 ± 9,59	116,84 ± 4,28	p ₁₋₂ >0,05
	Bên trái (2)	83,28 ± 10,68	115,16 ± 6,76	
	Chung	83,36 ± 10,37	116,00 ± 5,69	
Điện trở da (KΩ)	Bên phải (1)	147,22 ± 18,42	104,11 ± 7,41	p ₁₋₂ >0,05
	Bên trái (2)	145,56 ± 18,85	105,89 ± 8,01	
	Chung	145,39 ± 18,89	104,50 ± 7,68	

Qua bảng 2 cho thấy không có sự khác biệt về nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da và điện trở da tại huyết Thận du giữa hai bên cơ thể trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư công như ở người bình thường ở cả hai giới nam và nữ (p>0,05).

Như vậy có thể dùng cường độ dòng điện qua da tại huyết Thận du ở bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư là 31,53 °C ± 0,75, cường độ dòng điện qua da tại huyết Thận du là 83,36 µA ± 10,37 và điện trở da tại huyết là 145,39 KΩ ± 18,89.

2. Sự biến đổi đặc điểm sinh học tại huyết Thận du ở bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư

Bảng 3. So sánh nhiệt độ da (0°) tại huyết Thận du của bệnh nhân đau thắt lưng thể Thận hư và người bình thường theo giới và theo bên cơ thể

Giới	Nam (c)		Nữ (d)	
	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)
Vị trí				
Bên phải(1)	31,45 ± 0,78	32,65 ± 0,67	31,63 ± 0,71	32,59 ± 0,56
Bên trái (2)	31,52 ± 0,76	32,66 ± 0,67	31,57 ± 0,77	32,56 ± 0,56
Chung hai bên	31,48 ± 0,80	32,65 ± 0,66	31,54 ± 0,76	32,57 ± 0,56
p	p ₁₋₂ >0,05, p _{a-d} > 0,05 p _{a-b} <0,01			

Qua bảng 3 cho thấy nhiệt độ da tại huyết Thận du ở cả hai giới và hai bên cơ thể của bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư đều thấp hơn so với các chỉ số này ở người bình thường với p<0,05. Không có sự khác nhau về nhiệt độ tại huyết Thận du ở bên phải và bên trái cũng như ở giới nam và nữ của nhóm người bình thường cũng như bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư với p>0,05.

Bảng 4. So sánh cường độ dòng điện qua da (µA) tại huyết Thận du của bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư và người bình thường theo giới và theo bên cơ thể

Giới	Nam (c)		Nữ (d)	
	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)
Vị trí				
Bên phải(1)	83,14 ± 10,86	116,84 ± 4,28	83,40 ± 10,64	115,84 ± 7,69
Bên trái (2)	81,86 ± 10,80	115,76 ± 6,76	82,34 ± 8,59	115,00 ± 8,05
Chung hai bên	83,28 ± 10,68	116,00 ± 5,69	82,24 ± 9,59	115,42 ± 7,84
p	p ₁₋₂ >0,05, p _{a-d} > 0,05 p _{a-b} <0,01			

Qua bảng 4 cho thấy ở cả hai giới và hai bên cơ thể, cường độ dòng điện qua da vùng huyết Thận du trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư đều thấp hơn hẳn so với người bình thường với p<0,01. Không có sự khác nhau về cường độ dòng điện tại huyết Thận du ở bên hai bên cơ thể cũng như ở giới nam và nữ của các nhóm nghiên cứu với p>0,05.

Bảng 5. So sánh điện trở da (KΩ) tại huyết thận du của bệnh nhân đau đầu thất lưng thể thận hư và người bình thường theo giới và theo bên cơ thể

Giới	Nam (c)		Nữ (d)	
	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)	Bệnh nhân đau lưng (a)	Người bình thường (b)
Vị trí				
Bên phải(1)	145,81 ± 19,67	104,11 ± 7,41	145,32 ± 18,28	103,22 ± 6,41
Bên trái (2)	148,37 ± 21,04	104,89 ± 8,01	146,17 ± 15,82	106,78 ± 8,27
Chung hai bên	145,56 ± 18,85	104,50 ± 7,68	147,22 ± 18,42	105,00 ± 7,57
p	p ₁₂ >0,05, p ₂₃ >0,05 p ₂₃ <0,01			

Qua bảng 5 cho thấy: Điện trở qua da vùng huyết Thận du cao hơn hẳn so với điện trở qua da vùng huyết Thận du ở người bình thường ở cả hai giới và hai bên cơ thể với p<0,01. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điện trở qua da vùng huyết Thận du ở bên phải và bên trái cũng như ở giới nam và nữ của nhóm người bình thường cũng như bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư với p>0,05.

Bảng 6. Đặc điểm sinh học của huyết trong một số bệnh lý

Chỉ tiêu NC		Nhiệt độ da (0°)	Cường độ dòng điện (μA)	Điện trở da (KΩ)
Huyết	Đối tượng			
Hợp cốc	Người bình thường	32,19 ± 0,29	72,87 ± 10,65	33,63 ± 5,34
	Liệt do viêm não Nhật Bản	34,83 ± 1,05	32,50 ± 16,65	
	Viêm loét dạ dày tá tràng	32,59 ± 0,80	27,60 ± 7,14	56,50 ± 4,29
Thái xung	Người bình thường	30,91 ± 0,63	44,37 ± 3,56	40,23 ± 3,86
	Liệt do viêm não Nhật Bản	33,61 ± 1,34	23,75 ± 10,03	
	Viêm loét dạ dày tá tràng	31,24 ± 1,23	40,07 ± 8,47	49,93 ± 4,28
Thận du	Người bình thường	32,61 ± 0,59	113,85 ± 16,68	107,67 ± 8,68
	Đau thất lưng thể thận hư	31,53 ± 0,75	83,36 ± 10,37	145,39 ± 18,89

Qua bảng 6 cho thấy tùy theo tình trạng bệnh lý khác nhau mà các đặc điểm sinh học của huyết cũng thay đổi tăng hoặc giảm khác nhau.

BÀN LUẬN

1. Đặc điểm huyết Thận du ở bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư

Như chúng ta đã biết, nhiệt độ da, điện trở da và cường độ dòng điện qua da phản ánh tình dẫn điện của tổ chức da hay phản ánh sự dinh dưỡng của tổ chức [7], [8]. Kết quả trình bày ở bảng 1 và bảng 2 cho thấy ở bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư có nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da vùng huyết Thận du thấp hơn hẳn so với người bình thường với p<0,01, trong khi đó điện trở qua da vùng huyết Thận du ở người bệnh lại tăng so với thông số này ở người bình thường với p<0,05. Không có sự khác biệt về nhiệt độ da, cường độ dòng điện qua da và điện trở

da vùng huyết Thận du trên bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư theo lứa tuổi và theo giới (p>0,01)

2. So sánh đặc điểm sinh học tại huyết Thận du trên bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư với người bình thường

Để tìm hiểu sâu hơn những biến đổi về đặc điểm của huyết Thận du khi cơ thể bị bệnh, cụ thể trong trường hợp này là trên bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư, chúng tôi so sánh với nhóm người bình thường về điện trở và cường độ dòng điện qua huyết Thận du theo giới và theo bên của cơ thể.

Kết quả được trình bày trên bảng 3,4,5 cho thấy nhiệt độ, cường độ dòng điện qua da vùng huyết Thận du trên bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư thấp hơn hẳn còn điện trở cao hơn hẳn so với nhóm đối tượng là người bình thường cùng giới (p<0,01). Kết quả này chứng tỏ hoạt động dinh dưỡng của huyết Thận du trên bệnh nhân đau thất lưng thể thận hư thấp hơn hẳn so với người bình thường.

Qua các số liệu nghiên cứu về các đặc điểm của huyết Thận du ở người bình thường và bệnh nhân đau thất lưng thể Thận hư theo giới và theo bên của cơ thể có thể cho phép suy nghĩ về mối liên quan chức năng giữa chức năng của tạng Thận và huyết Thận du. Theo lý luận Y học cổ truyền, Thận tàng tinh mà tinh lại sinh tủy, tủy ở trong xương để nuôi dưỡng xương cho nên tạng Thận có chức năng chủ cốt, sinh tủy, chủ về khí thiên và hậu thiên. Khí hậu thiên của tạng thận bổ sung vào nguyên khí, bên ngoài làm ấm vùng thất lưng, bên trong nuôi dưỡng cốt tủy. Khí của tạng Thận theo các đường kinh mạch chi phối vận động của xương, khớp. Khí của Thận tốt làm cho các khớp xương linh hoạt, rắn chắc [4].

Khi tạng thận bị bệnh, các tín hiệu phát sinh từ tạng thận đã được truyền đi đến các nơi khác, trong đó có da và huyết nằm trên bề mặt cơ thể. Trong chúng yêu thống, do chức năng của tạng thận bị suy yếu, kết quả là nguyên khí giảm sút trong đường kinh và biểu hiện ra tại huyết Du ở lưng trong ứng.

Nghiên cứu của Caboglu M.T. ở Khoa sinh lý, Đại học Baskent, Thổ Nhĩ Kỳ Chăm cứu cho thấy huyết Du ở lưng có nhiệt độ đặc biệt trong điều trị các bệnh của các cơ quan nội tạng. Thay đổi trong các cơ quan nội tạng gây được tác dụng của chăm cứu có thể được giải thích thông qua cơ chế các hoạt động của hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm [6].

Số liệu trên bảng 6 cho thấy khi cơ quan nội tạng bị bệnh, các rối loạn chức năng của tạng phủ đã gây những ảnh hưởng nhất định đến chức năng của da cũng như của các huyết nằm trên đường kinh tương ứng với tạng phủ đó. Đối với từng loại bệnh khác nhau sẽ có sự thay đổi về đặc điểm sinh học (nhiệt độ da, điện trở và cường độ dòng điện qua da) của các huyết khác nhau.

Nhận xét của chúng tôi cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của một số tác giả khi tiến hành nghiên cứu đặc điểm của huyết trong một số bệnh. Thierre A.và Darrac J.C. đã chứng minh được rằng khi một bộ phận trong cơ thể bị viêm nhiễm sẽ có

cảm ứng ra các huyết của đường kinh tương ứng làm nhiệt độ da tại huyết lằng cao hơn từ 1° đến 2° [7]. Nghiên cứu của Xu Y.X. và công sự ở Trung Quốc đã chỉ ra rằng nhiệt độ da trong huyết cao hơn so với ngoài huyết, các huyết trên cùng một đường kinh có sự dẫn nhiệt tốt hơn. Tác giả cho rằng nhiệt là một hình thức của quá trình chuyển hóa năng lượng, do đó có thể được sử dụng như một tiêu chuẩn để đánh giá quá trình chuyển hóa năng lượng [8].

Ở Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Thị Văn Anh và công sự cho thấy cường độ dòng điện qua da tại 12 cặp huyết Nguyên trên bệnh nhân viêm loét da dày- hành tá tràng cao hơn, còn điện trở da lại thấp hơn nhóm người bình thường cùng lứa tuổi [1], [2]. Nghiên cứu của Phạm Hữu Lợi trên bệnh nhi liệt do viêm não Nhật Bản sau khi điều trị bằng điện châm thấy có sự tương ứng giữa mức độ phục hồi trên lâm sàng với sự trở về bình thường của nhiệt độ và cường độ dòng điện tại các huyết Nguyên, điều này cho thấy có sự liên quan giữa các đặc điểm của huyết châm cứu với tình trạng bệnh lý [5].

Các kết quả nghiên cứu trên đã làm sáng tỏ sự tồn tại của huyết theo lý luận y học cổ truyền và lại một lần nữa chứng minh cho nhận thức của người xưa về mối quan hệ giữa tạng phủ- kinh lạc- huyết vị mà trong đó là mối quan hệ chặt chẽ giữa phủ- kinh lạc- du huyết và chúng tổ huyết là một tổ chức có cấu trúc và chức năng đặc biệt, huyết phản ánh tình trạng bệnh tật, một thay đổi của kinh lạc đều phản ánh thông qua các đặc điểm sinh học của huyết [4]. Huyết không chỉ được sử dụng trong điều trị mà còn có thể được sử dụng trong chẩn đoán bệnh. Tuy nhiên cần phải tiếp tục có nhiều nghiên cứu trên các thể bệnh khác nhau và bằng những phương tiện hiện đại để làm sáng tỏ vấn đề này, góp phần làm sáng tỏ vai trò của phương pháp điều trị y học cổ truyền.

KẾT LUẬN

1. Huyết Thận du ở bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư có nhiệt độ là $31,53\text{ }^{\circ}\text{C} \pm 0,75$, thấp hơn so với người bình thường là $32,61\text{ }^{\circ}\text{C} \pm 0,61$ ($p < 0,05$); có cường độ dòng điện là $83,36\text{ }\mu\text{A} \pm 10,37$, thấp hơn

với người bình thường là $115,71\text{ }\mu\text{A} \pm 6,83$ ($p < 0,01$); có điện trở da là $145,39\text{ K}\Omega \pm 18,89$, cao hơn so với người bình thường là $104,75\text{ K}\Omega \pm 7,61$ với $p < 0,01$.

2. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhiệt độ da, điện trở da và cường độ dòng điện, qua da giữa hai bên cơ thể, giữa các lứa tuổi và hai giới nam, nữ trên bệnh nhân đau thắt lưng thể thận hư và người khỏe mạnh ($p > 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Văn Anh, Phạm Thị Minh Đức, Hoàng Bảo Châu (2003), *Nghiên cứu đặc điểm nhiệt độ 12 cặp huyết Nguyên ở người trưởng thành*, Tạp chí Nghiên cứu Y học, 25(5), 39- 44.
2. Nguyễn Thị Văn Anh, Phạm Thị Minh Đức, Hoàng Bảo Châu (2005), *Nghiên cứu đặc điểm điện trở da và cường độ dòng điện qua da tại 12 cặp huyết Nguyên trên bệnh nhân viêm loét da dày- hành tá tràng*, Tạp chí Nghiên cứu Y học, 34(2), 27-33.
3. Bùi Mỹ Hạnh (2003), *Nghiên cứu đặc điểm của huyết nội quan và ảnh hưởng của điện châm huyết này lên một số chỉ số sinh học*. Luận án tiến sĩ y học, Đại học Y Hà Nội.
4. Khoa Y học cổ truyền trường Đại học Y Hà Nội (2005), *Bài giảng Y học cổ truyền*, tập II, Nhà xuất bản Y học, 466 - 468.
5. Phạm Hữu Lợi (2003), *Nghiên cứu đặc điểm sinh học tại huyết Nguyên ở trẻ bình thường và bệnh nhi viêm não Nhật Bản, đánh giá hiệu quả phục hồi vận động bằng điện châm*, Luận án Tiến sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội.
6. Cabioglu MT, Arslan G. (2008), *Neurophysiological basis of Back-Shu and Hualuo-Jiaji points*. *Am J Chin Med*, 36 (3). 473 - 9.
7. Darvas J.C., Pierre de V., Pierre A. (1992), *A Study on the Migration of Radioactive Tracers after Injection at Acupoints*, *American Journal of Acupuncture*, Vol. 20, No. 3, 244-256.
8. Xu Y.X, Chen G.Z, Li L.J., Liu S.H. (2012), *Research on the effect of light and heat sensing along meridian of Chinese medicine*, *J Lasers Med Sci*, 3(1).6-14.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ PHẨM MECOOK ĐỐI VỚI CHỨC NĂNG VÀ HÌNH THÁI GAN VÀ THẬN TRÊN ĐỘNG VẬT THỰC NGHIỆM

PHẠM VIỆT DỰ – Viện YHCT Quân đội

TÓM TẮT

Chế phẩm Mecook được dùng đánh giá chức năng, hình thái gan và thận trên thỏ thực nghiệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy với liều 0,12g/kg/ngày (tương đương liều dùng cho người) và 1,2g/kg/ngày (gấp 10 lần liều dùng cho người), uống liên tục trong 4 tuần: Không làm thay đổi kết quả các xét nghiệm đánh giá chức năng gan (ALT, AST, bilirubin toàn phần, protein) và chức năng thận (U re, creatinin) của

thỏ; cấu trúc vi thể gan thỏ ở 10 ống thuốc thử. 16 bảo gan bình thường, không có thoái hoá. Tuy vậy, trên cấu trúc vi thể của các thỏ uống thuốc thử, có một số thỏ có tổn thương nhẹ ở thận. Tổn thương này không đặc hiệu, cũng thường gặp ở thỏ 16 chứng.

Từ khóa: Chế phẩm Mecook, chức năng gan thận, hình thái.

SUMMARY

The product of Mecook was used to evaluate the